



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Thời gian ký: 31/12/2025
23:58:51

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: 10084/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng năm 2026

Thực hiện Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026. Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2703/TTr-SKHCN ngày 23/12/2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng năm 2026, cụ thể như sau:

Phần I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến (1.148 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 1.172 dịch vụ công trực tuyến một phần).

- 79,2% hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

- 95,3% hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng. 99,04% thủ tục hành chính triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 94,94%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng toàn tỉnh đạt 83,66%.

- Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý ở mức cao.

2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Số lượng doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại ở mức cao.

- Công tác tổ chức tuyên truyền, vận động các cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách được thực hiện rộng rãi, lan tỏa, thu hút các hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia đồng đảo.

- Năng suất lao động tăng bình quân năm đạt 5,38%.

3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Mạng băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đã phủ đến 100% trung tâm

các xã, phường, đặc khu; số thuê bao kết nối Internet đạt 3.628.903 thuê bao (đạt tỷ lệ 80,83.%), tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 99%.

- Tổng số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ 87,7%. 100% khu dân cư thuộc các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh được phủ sóng mạng băng rộng di động (3G/4G/5G).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Trước thời điểm 01/7/2025, 03 tỉnh Đắk Nông, Bình Thuận và Lâm Đồng đã chỉ đạo quyết liệt công tác chuyển đổi số, các tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, chuyển đổi số, triển khai thực hiện lồng ghép trong các nhiệm vụ hàng năm. Triển khai mạnh mẽ Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW theo hướng dẫn của Trung ương bước đầu đạt được một số kết quả nhất định.

- Sau khi sáp nhập tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thống nhất, trong đó có Quyết định số 100/QĐ-TU, ngày 06/8/2025 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh Lâm Đồng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 bảo đảm phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tiễn và mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Chương trình số 01-CTr/BCĐ ngày 30/9/2025 về chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tỉnh đã chỉ đạo Công thông tin điện tử tỉnh, Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh xây dựng và duy trì chuyên mục về chuyển đổi số. Duy trì đăng tin hoạt động chuyển đổi số của tỉnh trên các kênh thông tin nhằm lan tỏa phong trào chuyển đổi số đến đông đảo người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí trên địa bàn tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức đa dạng như: Chuyên trang, chuyên mục, Cổng Hành chính công tỉnh Lâm Đồng trên Zalo, các trang mạng xã hội khác như Facebook.... Hệ thống thông tin cơ sở, truyền thanh cơ sở tích cực thực hiện các chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

2.1. Ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số

- Ngay sau khi sáp nhập tỉnh mới, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 về thành lập Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; ban hành Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 về ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; ban hành Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 về Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong đó xác định các nội dung triển khai cụ thể, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của

từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ nhằm triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- UBND tỉnh cũng đã kịp thời rà soát, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 28/8/2025 về việc cho áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân các tỉnh: Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng đã ban hành trước khi sáp nhập, qua đó đảm bảo tính đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và giải quyết những yêu cầu thực tiễn đặt ra trong quá trình vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó có nhiều văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chuyển đổi số, góp phần tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi số sau khi sáp nhập tỉnh.

2.2. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

- Ban Chỉ đạo tỉnh đã chỉ đạo toàn diện việc thực hiện Kế hoạch, quyết định các chủ trương, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác Chuyển đổi số; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai việc thực hiện; duy trì chế độ họp, hội nghị định kỳ với Trung ương và các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

- Thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát, đã kịp thời phát hiện những khó khăn, hạn chế trong quá trình triển khai; đồng thời đề xuất các biện pháp tháo gỡ, nâng cao hiệu quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chuyển đổi số quốc gia, góp phần bảo đảm tiến độ và chất lượng thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số trên địa bàn các tỉnh. Triển khai tổ chức sôi nổi Phong trào thi đua “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh”.

- Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng cuộc sống người dân; đảm bảo an ninh, an toàn xã hội, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

- Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các ngành, đơn vị, địa phương và công tác đánh giá xếp loại, thi đua khen thưởng; đôn đốc kiểm tra việc chỉ đạo thực hiện công tác Chuyển đổi số đối với Chủ tịch UBND cấp xã và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh.

- Thường xuyên rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết các thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính ban hành mới đủ điều kiện cung ứng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; số hóa và ký số hồ sơ ngay từ khâu tiếp nhận, trả kết quả ký số cho người dân, doanh nghiệp.

3. Hạ tầng số

- Tổ chức thực hiện sắp xếp, chỉnh trang, bó gọn, ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông tại các tuyến đường ở khu vực trung tâm; kết quả thực hiện, với hơn 9.860m/152 tuyến đường và ngầm hóa hơn 21.850m/58 tuyến đường.

- Thực hiện khảo sát vị trí, đo kiểm sóng di động, đề xuất phương án bố trí trạm phát sóng phù hợp thực tế địa hình, hành lang tuyến; trong đó đặc biệt ưu

tiên triển khai, bố trí trạm phát sóng trên các tuyến đường Quốc lộ 20, Quốc lộ 27, Quốc lộ 28B, Quốc lộ 55, Đèo Tà Đùng....., các khu vực biên giới, khu vực trọng yếu; bảo đảm phủ sóng liên tục, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và an ninh quốc phòng. Thúc đẩy, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trong việc sử dụng chung hạ tầng viễn thông thụ động với các hạ tầng kỹ thuật khác.

- Mạng băng rộng cố định (cáp quang FTTH) đã phủ đến 100% trung tâm các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện, công sở có thể truy nhập Internet với tốc độ trung bình 01 Gb/s. Số thuê bao kết nối Internet đạt 3.628.903 thuê bao (đạt tỷ lệ 80,83%), tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 99%.

- Tổng số thuê bao di động toàn tỉnh đạt hơn 4 triệu thuê bao, trong đó có 3.566.266 thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (đạt tỷ lệ 87,7%). 100% khu dân cư thuộc các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh được phủ sóng mạng băng rộng di động (3G/4G/5G) đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ, với tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40 Mb/s cho mạng 4G và 150 Mb/s cho mạng 5G. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đã phát triển được 11.171 trạm thu phát sóng di động (BTS), trong đó đã triển khai 5.887 trạm BTS 4G và 290 trạm 5G (có 555 trạm BTS kiên cố chịu được thiên tai cấp độ 4), đảm bảo phủ sóng 100% địa bàn dân cư.

- Duy trì ổn định Hệ thống mạng CAMPUS Trung tâm hành chính tỉnh tập trung hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn thông tin. 100% cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cấp xã được trang bị hạ tầng đảm bảo hoạt động, phục vụ tốt cho công tác quản lý và điều hành trên môi trường mạng.

- Hoạt động của mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh được duy trì ổn định, 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến cấp xã được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cho hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước. Bên cạnh đó, tỉnh đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ, Cục Bưu điện Trung ương triển khai giải pháp bảo mật kênh truyền (BML) nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin đến cấp độ “Tối mật”, đáp ứng các quy định về an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động của Đảng và Nhà nước đến toàn bộ các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

- Hiện nay, tổng số công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm về an toàn thông tin, chuyển đổi số của tỉnh là 323 người, trong đó lực lượng chuyên trách là 292 người (thuộc các sở, ngành, cấp xã); lực lượng kiêm nhiệm là 31 người (thuộc các đơn vị sự nghiệp).

- Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên hình thức tập huấn trực tuyến. Để đảm bảo các hệ thống thông tin vận hành liên tục, không gián đoạn khi triển khai mô hình chính quyền hai cấp, tỉnh đã tổ chức 19 lớp tập huấn vận hành hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và hệ thống văn bản quản lý điều hành trên địa bàn toàn tỉnh

thông qua hình thức trực tuyến và trực tiếp tại các khu vực Lâm Đồng (cũ), Bình Thuận (cũ), Đắk Nông (cũ) với hơn 11.000 học viên tham gia đến từ các sở, ngành, UBND các phường/xã/đặc khu. Đến thời điểm hiện nay, 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được tập huấn kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số, an toàn thông tin.

- Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 03 lớp trực tiếp Bồi dưỡng, tập huấn trí tuệ nhân tạo (AI) cho lãnh đạo sở ngành, lãnh đạo cấp xã với 276 lãnh đạo tham dự; 01 khóa học trực tuyến cho cán bộ công chức các sở, ngành và các xã, phường, đặc khu trên nền tảng Onetouch với hơn 6.200 học viên tham dự; Sở cũng đã tổ chức 03 lớp đào tạo trực tiếp cho doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với hơn 400 doanh nghiệp tham gia. Bên cạnh đó, các đơn vị khác cũng đã chủ động triển khai các nội dung tập huấn AI cho cán bộ, đảng viên số lượng 6 lớp với gần 4.100 người, triển khai thông qua nhiều hình thức trực tuyến và trực tiếp, trong đó qua hình thức trực tiếp 4 lớp (khoảng 470 người từ Đoàn thanh niên, Sở Tư pháp, Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh, ...), hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến là 3.600 người.

- Các địa phương trong tỉnh đã chủ động, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đào tạo, tập huấn cho các thành viên tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Đây là lực lượng nòng cốt, chủ đạo tại cơ sở để triển khai đào tạo, hướng dẫn trực tiếp từng người dân trên địa bàn dân cư về kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản.

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1410/KH-UBND ngày 08/8/2025 về triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Kế hoạch số 854/KH-UBND ngày 30/7/2025 về triển khai hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh trong đó xác định các nhiệm vụ, nội dung tập huấn, đào tạo chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), Tổ Công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn các xã.

- Ngành Giáo dục đã đưa chương trình đào tạo kỹ năng tin học cho học sinh, sinh viên vào chương trình chính đào tạo từ cấp tiểu học nhằm tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số; 100% các trường học từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông đều có các phòng máy dành riêng cho việc đào tạo tin học; 7/7 trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh có đào tạo chuyên ngành công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số với khoảng hơn 1.000 sinh viên.

5. Dữ liệu số

- Tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành việc rà soát, tái cấu trúc quy trình và cung cấp 2.324 dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong đó có 1.050 thủ tục mức độ toàn trình (899 cấp tỉnh, 151 cấp xã) và 1.274 thủ tục mức độ một phần (1.004 cấp tỉnh, 270 cấp xã). Với kết quả này, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận, thực hiện thủ tục. Triển khai thực hiện việc số hóa hồ sơ thủ tục hành chính theo lộ trình. Hiện nay, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt tỷ lệ 83,67%. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ đạt 78,93%. Tỷ lệ

hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 84,46%. Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt 100%. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng đạt 95,3%. Tỷ lệ thủ tục hành chính triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đạt 99,04%. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư đạt 71,48%.

- Toàn tỉnh đã thu nhận 3.918.008 lượt hồ sơ cấp căn cước, căn cước công dân (trong đó, 596.633 hồ sơ cấp căn cước); 2.846.632 tài khoản định danh điện tử /2.935.139 công dân từ đủ 14 tuổi, đạt 97%, trong đó 2.218.489 tài khoản đã kích hoạt, đạt tỷ lệ 77,9%. Tiếp tục triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức: đến nay đã có 2.111/2.627 cơ quan, tổ chức (*đạt tỷ lệ 80,35%*); 15.463/17.731 hợp tác xã, doanh nghiệp đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh đăng ký cấp định danh điện tử, *đạt tỷ lệ 87,02%*. Cập nhật lịch sử thường trú cho học sinh phục vụ rà soát, xét ưu tiên thi tốt nghiệp cho 27.478/27.478 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%. Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch cao điểm về triển khai định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức; đến nay đã có 14.655/24.555 cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh đăng ký cấp định danh điện tử, đạt tỷ lệ 59,68%. Hoàn thành tiếp nhận và giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cho 437/437 người nước ngoài có thẻ tạm trú, thường trú trên địa bàn tỉnh, đạt tỷ lệ 100% (*tính đến ngày 15/11/2025*).

- Triển khai phát động đợt cao điểm đổi thẻ Đảng viên trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử cho đảng viên chính thức trên toàn tỉnh, toàn tỉnh đã thu nhận hồ sơ các đảng viên và số hóa hồ sơ thành công 120.667 hồ sơ, trong đó: 114.276 hồ sơ của đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, đạt tỷ lệ 100% đảng viên có thẻ mới nhận; 6.391 hồ sơ đảng viên các tổ chức cơ sở Đảng thuộc các cơ quan Trung ương đóng quân trên địa bàn. Phối hợp Cục C06, công ty GeneStory tổ chức Chương trình thu nhận mẫu ADN, cập nhật thông tin liệt sĩ, thân nhân liệt sĩ vào cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về Dân cư phục vụ công tác thu thập mẫu ADN xác định thân hài cốt liệt sĩ cho 89 thân nhân liệt sĩ chưa xác định được danh tính.

- Đã phối hợp triển khai thông báo lưu trú cho 385/385 cơ sở y tế, bệnh viện và các cơ sở kinh doanh lưu trú trên địa bàn khám chữa bệnh qua ứng dụng VNeID. Cấp tài khoản ASM cho 189 cơ sở khám chữa bệnh và đã thực hiện 68.040 lượt thông báo lưu trú qua phần mềm ASM; cấp 7.442 tài khoản cho cơ sở kinh doanh lưu trú và đã thực hiện 6.144.141 lượt thông báo lưu trú qua phần mềm ASM. Đã tích hợp 562.694 Sổ sức khỏe điện tử; tiếp nhận 20.588 hồ sơ cấp phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID trên tổng số 21.914 hồ sơ tiếp nhận từ các nguồn đến nay, đạt tỷ lệ 93,95%; phối hợp Cảng hàng không Liên Khương triển khai sử dụng tài khoản định danh điện tử thay thế thẻ Căn cước/Căn cước công dân khi đi máy bay từ tháng 8/2023 đến nay; vận động, tuyên truyền 313.815 công dân thực hiện góp ý dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 2013; đăng tải 162 bài viết trên chuyên mục “Loa phông” trên ứng dụng VNeID; triển khai tích hợp sử dụng thẻ Căn cước/Căn cước công dân gắn chip trong khám chữa bệnh BHYT tại 168/168 cơ sở y tế, bệnh viện trên địa bàn, đã phát sinh 7.785.689 lượt tra cứu

thành công, đạt tỷ lệ 87,2%. Triển khai việc tặng quà người dân dịp lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9.

- Phối hợp các đơn vị có liên quan cập nhật, làm sạch dữ liệu phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư, kết quả như sau: cập nhật, xác thực giữa CSDLQG về bảo hiểm và CSDLQG về dân cư 2.805.065 trường hợp, đạt tỷ lệ 99,42%; cập nhật, làm sạch thông tin 1.200.579 người lao động trên địa bàn tỉnh, đạt tỷ lệ 71,78%; làm sạch dữ liệu 77.639 đối tượng hưởng an sinh xã hội, 17.153 đối tượng người có công; cập nhật 84.605 tờ khai với thông tin 96.799 phương tiện; làm sạch dữ liệu 62.423 thông tin sai lệch giữa thửa đất và dân cư; nhập thông tin 56.920 hội viên hội người cao tuổi, 72.142 hội viên hội nông dân, 48.253 hội viên hội cựu chiến binh, 251 hội viên hội chữ thập đỏ và phối hợp rà soát, số hóa 434.878 dữ liệu hộ tịch trên hệ thống CSDLQG về dân cư.

- Công tác số hóa dữ liệu được các ngành quan tâm thực hiện với nhiều kết quả quan trọng: Đã hoàn thành số hóa dữ liệu đất đai của 67/124 xã, phường (trong đó, 37 xã, phường đã được nghiệm thu dữ liệu phục vụ vận hành, khai thác); cập nhật dữ liệu người lao động vào phần mềm trên hệ thống CSDLQG về dân cư 1.206.160 người lao động; cập nhật 84.605 tờ khai với thông tin 96.799 phương tiện lên hệ thống CSDLQG về DC phục vụ tích hợp lên ứng dụng VneID; cập nhật thông tin các hội, đoàn thể với 56.920 hội viên hội người cao tuổi, 72.142 hội viên hội nông dân, 48.253 hội viên hội cựu chiến binh, 251 hội viên hội chữ thập đỏ; cập nhật, xác thực giữa CSDLQG về bảo hiểm và CSDLQG về dân cư 2.896.072 người, đạt tỷ lệ 99,51%; Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Công an tỉnh làm sạch dữ liệu thông tin tàu cá, chủ sở hữu, thuyền viên phục vụ công tác định danh tàu thuyền, tính đến ngày 15/11/2025, đã thu thập, cập nhật thông tin 8.203 tàu cá, trong đó, đã cập nhật đầy đủ thông tin 8.056/8.203 tàu cá, đạt tỷ lệ 98,2%, đã cập nhật nhưng chưa đầy đủ thông tin 147/8.203 tàu cá, tỷ lệ 1,8%; Sở Giáo dục và Đào tạo: đã cập nhật hồ sơ cá nhân, số định danh công chức, viên chức, người lao động và học sinh trên hệ thống CSDL ngành csdl.moet.gov.vn đạt 94,6%, dữ liệu giáo viên đạt 98,3%, đã xác thực với CSDL quốc gia về dân cư đạt 98,8%; Thuế tỉnh Lâm Đồng phối hợp với Công an tỉnh: làm sạch (trên hệ thống CSDLQG về DC) 62.614 dữ liệu sai lệch giữa thuế và dân cư; các sở, ngành tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (cũ): đã làm sạch dữ liệu trên hệ thống 92.715 đối tượng hưởng an sinh xã hội, cập nhật thông tin 577.722/914.419 trẻ em vào phần mềm, đạt tỷ lệ 63,17%; rà soát, làm sạch dữ liệu 20.901 người có công.

6. An toàn thông tin mạng

- Tiếp tục duy trì hạ tầng trang thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh theo hướng hiện đại, trên cơ sở duy trì ổn định các thiết bị đã đầu tư, sẵn sàng theo dõi và hoạt động 24/7. Dữ liệu của Trung tâm dữ liệu tỉnh được sao lưu, dự phòng đảm bảo an toàn, khả năng phục hồi cho các hệ thống thông tin trọng yếu dùng chung.

- Tổ chức Lễ tiếp nhận, ra mắt và đưa vào vận hành Trung tâm giám sát an toàn, an ninh tập trung (SOC) tỉnh Lâm Đồng và ra mắt Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Lâm Đồng; tham mưu tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2025; tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống thông tin và công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn

thông tin trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; tổ chức họp Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng với sự tham gia của 174 thành viên.

- Ban hành 17 văn bản kiến nghị, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, khắc phục các lỗ hổng bảo mật; 02 thông báo lỗ hổng bảo mật trên diện rộng; rà soát làm sạch các máy tính sử dụng phần mềm, ứng dụng cũ; rà quét 07 trang thông tin điện tử, 02 hệ thống thông tin và tài khoản của 08 đơn vị, sở, ngành tồn tại lỗ hổng bảo mật để khắc phục dứt điểm các nguy cơ về an ninh, an toàn thông tin.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn và khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng thiết bị, phần mềm, hệ thống thông tin trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số và Đề án 06 đảm bảo an ninh, an toàn. Công an tỉnh đã thực hiện 339 yêu cầu kiểm tra an ninh, an toàn thông tin cho 5.257 thiết bị điện tử, tin học cho các sở, ban, ngành và Công an các đơn vị, địa phương; phát hiện và xử lý 10.994 mã độc, 13 lỗ hổng bảo mật bảo đảm an toàn thông tin cho các thiết bị nhằm phòng chống lộ, lọt bí mật nhà nước.

- Triển khai 03 văn bản hướng dẫn cài đặt, cập nhật hệ điều hành, phần mềm Kaspersky và phần mềm EDR, cảnh báo chiến dịch tấn công sử dụng mã độc và lỗ hổng an toàn thông tin trong các sản phẩm của Microsoft; thường xuyên giám sát, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố mã độc, mất an toàn thông tin đối với máy tính kết nối mạng BCANet.

- Tổ chức thành công chương trình “Tập huấn và diễn tập thực chiến bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2025” với sự tham gia của 19 đội Phòng thủ với hơn 200 thành viên đến từ Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh, các sở, ngành, địa phương và 03 trường đại học (ĐH Đà Lạt, ĐH Yersin Đà Lạt, ĐH Phan Thiết) cùng tranh tài trên 20 tình huống sát với các sự cố thường gặp trong thực tế đảm bảo đào tạo được kỹ năng, kiến thức trong đội ngũ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin, an ninh mạng từ tỉnh đến cơ sở.

7. Chính quyền số

- Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành triển khai thống nhất cho toàn tỉnh Lâm Đồng đã liên thông nội tỉnh, liên thông với trực văn bản quốc gia qua nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); đã khai báo hoàn thành cho 169 đơn vị cấp tỉnh, xã với hơn 30.000 tài khoản người dùng.

- Nền tảng chia sẻ, kết nối dữ liệu tỉnh Lâm Đồng (LGSP) tại địa chỉ <https://lgsp.lamdong.gov.vn>, đã được vận hành ổn định và an toàn, đóng vai trò hạ tầng tích hợp dữ liệu trung tâm của tỉnh. Hệ thống đã kết nối và khai thác thành công 22 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), với hơn 400 nghìn lượt giao dịch dữ liệu được thực hiện.

- Triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh Lâm Đồng mới, đã kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư, thanh toán trực tuyến, dịch vụ công liên thông... triển khai đảm bảo không bị gián đoạn việc giải quyết TTHC cho người dân và doanh

nghiệp. Rà soát, tái cấu trúc quy trình và cung cấp 2.324 thủ tục hành chính trên Công Dịch vụ công quốc gia. Trong đó có 1.050 thủ tục mức độ toàn trình (899 cấp tỉnh, 151 cấp xã) và 1.274 thủ tục mức độ một phần (1.004 cấp tỉnh, 270 cấp xã). Kết quả thực hiện 11 dịch vụ công thiết yếu: tiếp nhận, giải quyết 4.659.379 hồ sơ trực tuyến/4.833.283 tổng hồ sơ tiếp nhận, đạt tỷ lệ 96,4%. Toàn tỉnh phát sinh 18.823 hồ sơ 02 dịch vụ công liên thông, đã trả kết quả 15.159 hồ sơ, đạt tỷ lệ 80,53%. Tính đến nay, đã phát sinh 58.853 hồ sơ dịch vụ công liên thông, đã trả kết quả 40.205 hồ sơ, đạt tỷ lệ 68,3%.

- Duy trì hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho người dân, doanh nghiệp. 100% trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương được triển khai hoạt động trên nền tảng IPv6, có chứng nhận tín nhiệm mạng do Cục An toàn thông tin (cũ) cung cấp.

- Hệ thống thư điện tử công vụ được duy trì hoạt động ổn định với 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã và các đơn vị khác trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước, từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đã triển khai hướng dẫn và thực hiện cấp mới, thu hồi, gia hạn, thay đổi thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các sở, ban, ngành và 124 phường/xã/đặc khu. Kết quả tính đến ngày 05/12/2025, trên địa bàn tỉnh có 11.453 chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, trong đó: cấp tỉnh có 4.879 chứng thư chữ ký số (bao gồm 718 chứng thư số của tổ chức, 4.161 chứng thư số cá nhân, cụ thể: 3.206 token, 402 SIM PKI và 553 tài khoản ký số tập trung); cấp xã 6.574 chứng thư chữ ký số ở cấp xã (bao gồm 1.415 chứng thư số của tổ chức, 5.159 chứng thư số cá nhân, cụ thể: 4.924 token, 235 SIM PKI).

- Thống nhất sử dụng trung tâm IOC tỉnh Lâm Đồng cũ để triển khai, nâng cấp, mở rộng cho tỉnh Lâm Đồng mới. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản liên quan như Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành, quy chế vận hành, thành lập ban chỉ đạo... phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Tỉnh đã ban hành Quyết định số 1737/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 về Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành trên môi trường điện tử phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, cung cấp thông tin giao tiếp của chính quyền và người dân.

- Hiện nay, đã triển khai 07 nền tảng dùng chung (Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước (IOC); Nền tảng hợp tác trực tuyến; Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước (SOC); Hệ thống thông tin báo cáo (LRIS); Nền tảng MOOCS), nhiều nền tảng số nội địa trong ngân hàng, mạng xã hội, truyền thông... được người dân, doanh nghiệp lựa chọn, dần thay thế nền tảng nước ngoài.

8. Kinh tế số và Xã hội số

- Các xã, phường, đặc khu đã chủ động thành lập và duy trì tốt hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng, đây là lực lượng nòng cốt tại cơ sở để hỗ trợ,

hướng dẫn, tuyên truyền và đào tạo kỹ năng số, công dân số và văn hóa số đến trực tiếp người dân, doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số của địa phương. Đến nay, 100% địa phương đã thành lập Tổ CNSCĐ cấp thôn, xã. Kết quả toàn tỉnh có 2.765 Tổ CNSCĐ cấp thôn với 16.880 thành viên.

- 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; 100% trường học triển khai thực hiện thu phí không dùng tiền mặt; thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đạt 45,6% trên tổng số chi phí và đạt 39,6% trên tổng lượt thanh toán viện phí. Tiếp tục đẩy mạnh vận động, chỉ trả khuyến khích người hưởng nhận các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Đến nay, tỷ lệ người nhận tiền qua tài khoản đạt 85,12%, cụ thể: chi lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đạt 73,09%; chi trợ cấp một lần đạt 97,73%; chi trợ cấp BHTN đạt 100%.

- Duy trì triển khai sử dụng hóa đơn điện tử đối với 100% doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, hộ kinh doanh. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện hợp đồng điện tử đối với các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức như các chuyên trang, chuyên mục của Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, “Cổng Hành chính công tỉnh Lâm Đồng” và hệ thống thông tin cơ sở đã tích cực tuyên truyền về chuyển đổi số bám sát những nội dung được định hướng, hướng dẫn.

- Tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất các sản phẩm, hàng hóa OCOP đăng ký, giới thiệu, quảng bá trên các sản phẩm thương mại điện tử uy tín trong nước và quốc tế. Hiện nay, có 100% các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực và khoảng 50% sản phẩm nông sản của tỉnh được hỗ trợ giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử. Thực hiện đưa thông tin quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất, chế biến các sản phẩm nông lâm thủy sản, các sản phẩm OCOP tiêu biểu của tỉnh lên trang <https://nongsandalatlamdong.vn/>. Tiếp tục duy trì hoạt động thu thập thông tin về giá cả thị trường tiêu thụ hàng tuần đối với các sản phẩm nông sản chính trên địa bàn tỉnh và các thị trường các tỉnh và cập nhật thường xuyên trên các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Xây dựng Bảo tàng ảo hoạt động trên môi trường Internet, 3D hóa 200 hiện vật có giá trị đang trưng bày tại Bảo tàng Lâm Đồng, đồng thời tích hợp vào hệ thống tham quan 3D (bảo tàng ảo) trên website của Bảo tàng Lâm Đồng, tại địa chỉ <https://3d.baotanglamdong.com.vn>. Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu các hiện vật của Bảo tàng Lâm Đồng, phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Hệ thống và số hóa cơ sở dữ liệu hồ sơ khoa học di sản vật thể và phi vật thể. Số hóa cơ sở dữ liệu cập nhật vào phần mềm quản lý: 4000/5000 hiện vật tại Bảo tàng Lâm Đồng, đang tiếp tục thực hiện theo kế hoạch. Thuyết minh tự động tại Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt và hệ thống mã QR-code cho các hiện vật tại Bảo tàng và Di tích quốc gia đặc biệt Khảo cổ Cát Tiên. Triển khai ứng dụng quét mã QR code trên hiện vật và thuyết minh tự động góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, đồng thời đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu của công chúng, giúp khách tự tham quan (không có hướng dẫn viên) có thể

chủ động tìm hiểu nội dung toàn bộ hệ thống trưng bày, góp phần nâng cao chất lượng chuyên tham quan.

- Chỉ đạo triển khai các hoạt động tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm đưa công nghệ số vào mọi ngõ ngách cuộc sống, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng. Giúp người dân trong độ tuổi lao động nắm bắt các kỹ năng an toàn thông tin cơ bản khi sử dụng thiết bị di động trên môi trường mạng, thực hiện thanh toán trực tuyến, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, đăng ký và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNEID, sử dụng các sàn thương mại điện tử để thực hiện mua bán trực tuyến, sử dụng ứng dụng VSSID.

- Tổ chức ký kết Thỏa thuận hợp tác với Chi nhánh Trung tâm Internet Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tăng cường phối hợp trong công tác quản lý và thúc đẩy việc sử dụng tài nguyên Internet tại địa phương, bảo đảm hiệu quả, đồng bộ, phục vụ mục tiêu phát triển hạ tầng số, chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số theo định hướng của Chính phủ. Tổ chức tổng kết cuộc thi: Brand ID – Công dân số với tên miền ID “.vn”, qua đó lan tỏa giá trị thương hiệu số cá nhân và khuyến khích giới trẻ ứng dụng công nghệ số vào phát triển công dân số, hiện diện triển khai trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”, đến nay toàn tỉnh đã có 10.443 tên miền đang được triển khai đăng ký sử dụng. Truyền thông, quảng bá để phổ biến ứng dụng i-Speed để người dân biết đến và sử dụng nhằm đánh giá đầy đủ, toàn diện tốc độ truy cập Internet, là cơ sở chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng để cung cấp chất lượng dịch vụ phù hợp với nhu cầu đáp ứng phát triển kinh tế số, chuyển đổi số của địa phương.

- Triển khai Bệnh án điện tử (EMR) thay thế hoàn toàn bệnh án giấy tại 100% cơ sở khám chữa bệnh hạng tuyến tỉnh/chuyên khoa/khu vực; Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ chẩn đoán, điều trị; xây dựng nền tảng kết nối kho dữ liệu Y tế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện Đề án 06 (Sổ Sức khỏe điện tử của người dân; liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, giấy chứng sinh, giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe...); sử dụng VNeID thay thế thẻ BHYT giấy trong khám chữa bệnh; Xây dựng bản đồ dịch tễ điện tử thời gian thực (Real-time GIS) để giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Ngày Chuyển đổi số

- Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4656/KH-UBND ngày 06/10/2025 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; với nhiều nội dung thiết thực, phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng đơn vị, địa phương. Nhiều khóa bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được tổ chức; phong trào “Bình dân học vụ số” được phát động, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức và kỹ năng số, khuyến khích người dân chủ động học tập, rèn luyện, ứng dụng tri thức số trong công việc và đời sống. Các tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức các chiến dịch ra quân hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và khai thác hiệu quả các ứng dụng số như VNeID, Cổng Dịch vụ công quốc gia, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, đẩy mạnh

triển khai QR code thanh toán điện tử... Qua đó, góp phần cùng chính quyền các cấp xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số tại từng thôn, tổ dân phố.

- Toàn tỉnh đã huy động sự tham gia tích cực của hơn 26.720 cán bộ, công chức, viên chức và người dân; triển khai hơn 1.500 pano, standee, phướn dọc, băng rôn tại các tuyến đường và trụ sở cơ quan; đăng tải hơn 160 tin, bài, phóng sự trên các Cổng/Trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội, góp phần nâng cao nhận thức, lan tỏa tinh thần chuyển đổi số sâu rộng trong toàn xã hội; đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm giới thiệu, quảng bá và hướng dẫn người dân ở mọi tầng lớp tích cực tham gia các lớp học trực tiếp và trực tuyến, thu hút hơn 52.954 lượt người tham gia; tổ chức “Cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến tìm hiểu về chuyển đổi số năm 2025” dành cho cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, học sinh, sinh viên, người lao động và nhân dân trên toàn tỉnh với 70.346 thí sinh, 102.256 lượt dự thi và 1.154 thí sinh trả lời đúng 100% câu hỏi; trong khuôn khổ Hội nghị Xúc tiến đầu tư của tỉnh năm 2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, doanh nghiệp công nghệ số tổ chức 03 gian trưng bày các sản phẩm và giải pháp chuyển đổi số.

9.2. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

- Duy trì, liên tục đăng tin bài cập nhật các nội dung trên chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng tại địa chỉ: <http://chuyendoiso.lamdong.gov.vn> và OA Zalo Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng. Các cơ quan, đơn vị các cấp thường xuyên lồng ghép các nội dung tuyên truyền Chuyển đổi số bằng các hình thức đa dạng như tổ chức thi tìm hiểu trực tuyến, tổ chức các phong trào thi đua,...

- Chỉ đạo các địa phương xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh với tần suất phát sóng tối thiểu mỗi tuần một lần. Chỉ đạo Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng duy trì chuyên mục riêng về chuyển đổi số; phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số với tần suất phát sóng tối thiểu mỗi tuần một lần.

- Tuyên truyền trực quan bằng băng rôn, phướn,... vào ngày 10/10, lồng ghép các nội dung tuyên truyền vào các ngày lễ lớn, các sự kiện của địa phương. Hướng dẫn các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục lan tỏa các thông điệp, nội dung, hướng dẫn người dân cùng tham gia có hiệu quả công cuộc chuyển đổi số.

III. Danh mục các dự án, kinh phí thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2025 (cụ thể tại Phụ lục I kèm theo).

Phần II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

- Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU, ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến. 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” đạt từ 70% trở lên.

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 80% trở lên. Tối thiểu 70% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

- Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với Chính quyền số tối thiểu là 95%. Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được

xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt từ 0,65 trở lên.

2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP của tỉnh.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt ít nhất 10%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

- Tối thiểu 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

- Năng suất lao động tăng bình quân 7%.

- Tối thiểu 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số cá nhân đạt 50% trở lên.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

- 100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông, Cổng thông tin điện tử, các trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền về công tác chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng.

- Kịp thời khen thưởng, biểu dương, động viên và thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình, những sáng kiến, cách làm hay, hiệu quả, điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp xã quan tâm bố trí cán bộ trực tiếp làm công tác chuyển đổi số theo hướng đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn.

2. Thể chế, chính sách số

- Tổ chức rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ chính quyền số của tỉnh phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số như chính sách phát triển, thu hút nhân lực, tuyển dụng, xét nâng lương, nâng ngạch đội ngũ cán bộ làm chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập, ban hành bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng.

- Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu do tỉnh quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Cập nhật, xây dựng Xây dựng Khung kiến trúc số tỉnh Lâm Đồng.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục mở rộng triển khai các điểm phát sóng 5G trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính phủ số, chính quyền số. Rà soát các điểm, khu vực mà mạng viễn thông di động chưa đạt 40 Mbps, yêu cầu bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động; báo cáo, kiến nghị về Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý.

- Tập trung rà soát bổ sung, chỉnh sửa, cập nhật Kế hoạch phát triển hạ tầng số đến năm 2030 của tỉnh phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế. Rà soát bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, trung tâm lưu trữ dữ liệu, ...).

- Khai thác hiệu quả hoạt động Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh, rà soát nâng cấp bổ sung thiết bị, gia hạn bản quyền, bảo hành, đảm bảo an toàn điện, kết hợp thuê dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp, chuyển dịch sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; đánh giá an toàn thông tin theo định kỳ.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng IoT; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: Giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị, Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến

và ứng dụng công nghệ số, bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.

- Duy trì, triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp tỉnh và từ cấp tỉnh đến cấp xã.

4. Nhân lực số

- Tiếp tục triển khai các nội dung thuộc Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Duy trì triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho lãnh đạo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, ưu tiên hình thức tập huấn trực tuyến. Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Triển khai tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin cho học sinh các trường THCS, THPT. Tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Phong trào Bình dân học vụ số, Ngày hội toàn dân học tập số; triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản bao gồm: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Triển khai đào tạo trực tuyến cho người dân thông qua các Nền tảng học trực tuyến.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia với các hệ thống của tỉnh.

- Tập trung chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng thành công hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh tạo tiền đề cho việc chia sẻ, kết nối, liên thông, khai thác dữ liệu của cơ quan nhà nước, từng bước chuẩn hóa công khai dữ liệu trong phạm vi cho người dân, doanh nghiệp được khai thác sử dụng.

- Tiếp tục hoàn thiện Kho dữ liệu điện tử của người dân, tổ chức hiện có trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính. Tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, xử lý, giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người



dân cung cấp lại thông tin đã có trong Kho dữ liệu điện tử của người dân, tổ chức. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có ký số hợp lệ được chấp nhận như giấy tờ chính thức theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục triển khai kết nối CSDL quốc gia về dân cư, thường xuyên tích hợp vào CSDL quốc gia về dân cư các thông tin y tế, bảo hiểm xã hội, tố giác tội phạm,... phục vụ phát triển, hoàn thiện và triển hiệu quả ứng dụng công dân số từ VNEID.

6. An toàn thông tin mạng

- Các sở, ngành, địa phương tập trung triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, vận hành. Các nhóm nhiệm vụ cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ.

- Đảm bảo 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

- Duy trì hoạt động ổn định Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tỉnh Lâm Đồng (SOC), đảm bảo kết nối thường xuyên liên tục với Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng quốc gia, làm cơ sở cho hoạt động đảm bảo an toàn thông tin trong triển khai chính quyền điện tử tại địa phương. Giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, tăng cường khả năng thích ứng chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất an toàn thông tin trên môi trường mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố ATTT cho cán bộ chuyên trách ATTT trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục cử nhân sự chuyên trách hoặc phụ trách về an toàn thông tin và chuyển đổi số tại các đơn vị tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức đánh giá mức độ an toàn các hệ thống thông tin của tỉnh định kỳ theo quy định; hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển đô thị thông minh, Chính quyền số; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

7. Chính quyền số

- Thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung

cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID. Tập trung thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

- Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả hệ thống Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh, đảm bảo kết nối giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp để mang lại trải nghiệm thuận tiện, nhất quán và xuyên suốt cho người dân, doanh nghiệp khi giao tiếp với chính quyền.

- Tiếp tục duy trì ổn định kết nối các cơ quan Đảng, các sở, ban, ngành, UBND cấp cấp xã kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao, mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh, xã tuân thủ theo quy định. Đảm bảo hoạt động của Hệ thống thư điện tử công vụ. Tăng cường việc sử dụng chữ ký số trong cán bộ, công chức các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

- Tiếp tục duy trì, vận hành ổn định và hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, phục tốt việc gửi nhận, theo dõi xử lý văn bản. Duy trì kết nối trực liên thông văn bản của tỉnh kết nối liên thông các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã thông suốt với Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, Trung ương và các địa phương ngoài tỉnh thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Thực hiện việc tính toán, đo lường tỷ trọng kinh tế số/GRDP của tỉnh, từ đó đề xuất các nội dung, giải pháp phù hợp để tập trung phát triển kinh tế số của tỉnh phù hợp với đặc thù địa phương. Chú trọng phát triển kinh tế số trên các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế để phát triển, bao gồm: Nông nghiệp, Du lịch và Logistics.

- Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai kinh tế số và tài khoản thanh toán điện tử cho hộ gia đình, nâng cao đời sống vật chất cho người dân, thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa theo cách làm truyền thống, giúp cho hộ gia đình ứng dụng công nghệ số trong tiêu thụ sản phẩm nông sản, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số. Trong đó, hỗ trợ,

đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Quyết định số 1567/QĐ-BKHCN ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chí đánh giá - mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các giải pháp công nghệ, ứng dụng nền tảng số để chuyển đổi số, phù hợp theo định hướng của quốc gia.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện chỉ tiêu mỗi người dân (trưởng thành) có một danh tính số, tài khoản số, có một chữ ký số cá nhân để sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ/tiện ích số. Tăng cường giám sát, kiểm tra các hệ thống thông tin có sử dụng chữ ký số kết Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo quy định tại Thông tư số 15/2025/TT-BKHCN ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với phần mềm ký số, phần mềm kiểm tra chữ ký số và cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, điều hành, chuyển đổi phương thức hoạt động trong các thành phần của nền kinh tế; trọng tâm là ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Bigdata) phục vụ phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số cho lãnh đạo các cấp, các ngành điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai trường học số theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030", trong đó ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập; triển khai và sử dụng hồ sơ học bạ điện tử.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào Bình dân học vụ số, đẩy mạnh hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng theo hướng đi từng ngõ, ngõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phổ cập kiến thức kỹ năng số và kỹ năng an toàn thông tin cơ bản. Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng VneID để nộp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Tổ chức đào tạo tập huấn thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số đến người dân; thực hiện lồng ghép triển khai chuyển đổi số trong thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

9. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (*thường xuyên, định kỳ, theo sự kiện, tuần lễ, ngày chuyển đổi số*) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (*cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện,*

nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số đối với người dân, doanh nghiệp; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số;... để các cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,...

- Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin định kỳ, thường xuyên cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng và các Ban chỉ đạo thuộc các sở, ngành, địa phương. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất. Xây dựng kế hoạch hoạt động Ban chỉ đạo bám sát các nội dung của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, các nhiệm vụ Chuyển đổi số của tỉnh.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đối với các đồng chí là Trưởng ban chỉ đạo của các sở, ngành, địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCCVC, người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số. Tập trung phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước. Thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa thực tiễn của Chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuyên truyền về các ứng dụng, nền tảng, công nghệ mới đến các cơ quan, đơn vị, người dân và doanh nghiệp trong tỉnh thông qua hình thức hội thảo, tọa đàm,...

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát huy vai trò của các nền tảng mạng xã hội (Zalo OA, facebook...) là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền qua hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số; tuyên truyền qua các hội thi, hội diễn,....

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Chuẩn hóa kiến thức cho cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan nhà nước, cử cán bộ công chức tham gia khóa đào tạo chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức. Tăng cường phối hợp với các tập đoàn Công nghệ lớn đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nâng cao, chuyên sâu về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các sở, ngành, địa phương về chuyển đổi số, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước. Tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số.

- Khẩn trương xác định vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số theo Thông tư 23/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, xác định đúng đối tượng cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 179/2025/NĐ-CP, từ đó tạo động lực phát triển nguồn nhân lực số, thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Nghiên cứu, đề xuất, triển khai chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các giải pháp tích hợp, các nền tảng số phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng công nghệ mới: trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (big data), ...

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác áp dụng công nghệ số. Tiến tới làm chủ các công nghệ số tiên tiến trong xây dựng các sản phẩm, dịch vụ quan trọng phục vụ chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và các xu hướng chuyển đổi số trong giao thông, đô thị, nông nghiệp, tài chính, thương mại, y tế, giáo dục, ... Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư phát triển các nền tảng, các sản phẩm nội dung số thương hiệu Việt.

- Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước; tham quan, học tập, kinh nghiệm các nước, các địa phương có mô hình chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện, thành công. Nghiên cứu học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố đi đầu trong chuyển đổi số xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số, bao gồm sử dụng nguồn lực lồng ghép trong các chương trình, dự án khác.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính phủ số với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Các tổ chức, doanh nghiệp tinh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động liên quan đến môi trường số cơ hội chuyển qua các loại mô hình kinh tế có tính đột phá cao, như kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, ...

- Tinh tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông quan tâm đầu tư xây dựng và nâng cao năng lực mạng lưới hạ tầng số của tỉnh, bổ sung dịch vụ, nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đảm bảo yêu cầu khai thác, sử dụng của các cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp. Doanh nghiệp bưu chính đẩy mạnh thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; triển khai mã bưu chính Vpostcode; tham gia tích cực phát triển thương mại điện tử của tỉnh.

- Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số tại tỉnh Lâm Đồng.

2. Công an tỉnh

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06; thường xuyên thực hiện công tác làm sạch dữ liệu dân cư và hỗ trợ làm sạch dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai hiệu quả các mô hình điểm được phát triển từ CSDLQG về dân cư, CCCD, định danh điện tử và hướng dẫn, tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho CBCCVC; xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện; đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Thẩm định các chương trình, dự án theo thẩm quyền. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đánh giá, xếp hạng về chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông - công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh:

- + Chủ động triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ về phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số của Kế hoạch này.

- + Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- + Triển khai thí điểm các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Văn phòng UBND tỉnh

- Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC của các sở, ngành, địa phương. Kịp thời tham mưu các nội dung liên quan đến cải cách TTHC.

- Tiếp tục triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động Hệ thống giải quyết TTHC, Hệ thống thông tin báo cáo, Trung tâm giám sát, điều hành tỉnh Lâm Đồng.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch; tham mưu các chính sách huy động nguồn vốn trong và ngoài nước; khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư chuyển đổi số.

- Phối hợp với sở, ngành, địa phương hướng dẫn, đôn đốc, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số.

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, trên cơ sở dự toán kinh phí do Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và thẩm định nội dung nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị có liên quan; tổ chức thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn có liên quan; kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

6. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phát triển nhân lực số, thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung tại lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền số trong kế hoạch cải cách hành chính và Bộ chỉ số cải cách hành chính các cấp. Kịp thời tổng hợp, biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác chuyển đổi số.

- Khẩn trương xác định vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số theo Thông tư 23/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, xác định đúng

đối tượng cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định 179/2025/NĐ-CP, từ đó tạo động lực phát triển nguồn nhân lực số, thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh.

7. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa các sản phẩm nông nghiệp lên giao dịch trên các sàn thương mại điện tử.

8. Thanh Tra tỉnh

Là đầu mối, tổng hợp, báo cáo kết quả, tỷ lệ hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

9. Các sở, ban, ngành, địa phương

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch này. Rà soát, đăng ký chỉ tiêu; đồng thời, tham mưu chính sách thu hút nhân lực nhằm kiện toàn nhân lực chuyên trách về chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

- Căn cứ các nội dung nhiệm vụ, dự án trong Kế hoạch này, xây dựng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và các quy định của pháp luật. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Khoa học và Công nghệ trước 30/11 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

10. Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh: Tăng cường truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng năm 2026. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo.✍

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- TT TU; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- TT Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Phúc);
- Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- BQL các Khu Công nghiệp tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đ/c Duệ)
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Q).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Phúc



PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 10084/KH-UBND ngày 31 / 12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị thực hiện	Kinh phí	Ghi chú
I	Đơn vị cấp Sở, ngành		389.305	
1	Mua sắm trang thiết bị phục vụ Đề án 06	Công an tỉnh	14.150	
2	Bảo đảm hoạt động Trung tâm giám sát an toàn, an ninh tập trung (SOC)		2.300	
3	Triển khai hạ tầng truyền dẫn và trang thiết bị phục vụ triển khai toàn diện phần mềm Quản lý văn bản và điều hành		2.200	
4	Lắp đặt camera giám sát tại các trụ sở Công an xã, phường, đặc khu, đồn Công an và công trình bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		10.670	
5	Lắp đặt hệ thống camera quan sát, giám sát công trụ sở Công an tỉnh, Công an các xã giáp ranh biên giới và đặc khu Phú Quý		293	
6	Thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử (Bao gồm tổ chức 02 Hội nghị tuyên truyền, duy trì Sàn TMĐT, Tập gấp về sàn thương mại điện tử)	Sở Công Thương	111	
7	Thực hiện nâng cấp, xây dựng mạng nội bộ		50	
8	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quy hoạch tỉnh Bình Thuận	Sở Khoa học và Công nghệ	4.391	
9	Xây dựng Đề án “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”		357	
10	Dự án “Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ”		11.059	
11	Bồi dưỡng, tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) dành cho cán bộ, công chức tỉnh Lâm Đồng năm 2025		477	
12	Bồi dưỡng, tập huấn AI cho doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	140	

13	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		108	
14	Xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông		31.000	
15	Dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng” (giai đoạn 2025 - 2027)		312.000	
II	Đơn vị cấp xã		33.691	
1	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND đặc khu Phú Quý	200	
2	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường 1 Bảo Lộc	200	
3	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường 2 Bảo Lộc	200	
4	Đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất tại Trung tâm PVHCC	UBND phường 3 Bảo Lộc	600	
5	Mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm PVHCC phường (nguồn tỉnh cấp)		200	
6	Lắp đặt thiết bị kết nối mạng nội bộ, phần mềm BKAV bảo vệ máy tính		568	
7	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Bắc Gia Nghĩa	200	
8	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Bình Thuận	200	
9	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường B'Lao	200	
10	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Cam Ly – Đà Lạt	200	
11	Nâng cấp mạng Lan và Wifi tại Trụ sở UBND Phường		414	
12	Thuê đường truyền		81	
13	Phần mềm bản quyền thiết bị tường lửa		46	

14	Mua sắm tài sản thực hiện Đề án 06 và phục vụ CDS (đợt 1)	UBND phường Đông Gia Nghĩa	30	
15	Mua sắm tài sản thực hiện Đề án 06 và phục vụ CDS (đợt 2)		110	
16	Mua sắm, nâng cấp trang thiết bị CNTT, máy móc thiết bị cần thiết		200	
17	Kinh phí tuyên truyền Ngày CDS Quốc gia 10/10/2025		12	
18	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Hàm Thắng	200	
19	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường La Gi	200	
20	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Lang Biang – Đà Lạt	200	
21	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Lâm Viên – Đà Lạt	200	
22	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Mũi Né	200	
23	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Nam Gia Nghĩa	200	
24	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Phan Thiết	200	
25	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Phú Thủy	200	
26	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Phước Hội	200	
27	Chi cho chuyển đổi số		195	
28	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Tiến Thành	200	
29	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt	200	

30	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND phường Xuân Trường - Đà Lạt	200	
31	Kinh phí tổ chức tập huấn và các nhiệm vụ CDS (nâng cấp, sửa chữa máy móc...)	UBND xã Bảo Lâm 1	100	
32	Kinh phí trang bị Kiosk dịch vụ công		200	
33	Trang bị thiết bị tường lửa		200	
34	Mua sắm, nâng cấp máy móc phục vụ chính quyền 02 cấp		200	
35	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Bảo Lâm 2	200	
36	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh từ FM sang hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT – viễn thông	UBND xã Bảo Lâm 3	500	
37	Xây dựng Trang thông tin điện tử cho xã Bảo Lâm 3		65	
38	Mua sắm, nâng cấp máy móc phục vụ chính quyền địa phương 02 cấp		595	
39	Kinh phí trang bị Kiosk dịch vụ công	UBND xã Bảo Lâm 4	200	
40	Mua sắm, máy móc phục vụ soạn thảo bí mật nhà nước		150	
41	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Bảo Lâm 5	200	
42	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Bảo Thuận	200	
43	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Bắc Bình	200	
44	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Bắc Ruộng	200	
45	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Cát Tiên	200	
46	Trang bị hệ thống tường lửa bảo mật, thiết bị lưu trữ		100	
47	Nâng cấp, Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử xã Cát Tiên		100	
48	Phần mềm quản lý và báo cáo ngân sách		100	

49	Bồi dưỡng, tập huấn chuyển đổi số	UBND xã Cát Tiên	50	
50	Hệ thống truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin – Viễn thông		200	
51	Phần mềm diệt virus cho máy tính của CBCCVC		50	
52	Thuê dịch vụ quản lý, khai thác dữ liệu 01 camera tầm cao (thời gian thuê 12 tháng)		100	
53	Trang bị mạng LAN, hệ thống tường lửa bảo mật, thiết bị lưu trữ	UBND xã Cát Tiên 2	300	
54	Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử xã Cát Tiên 2		100	
55	Xây dựng, duy trì thôn thông minh		197	
56	Phần mềm quản lý và báo cáo ngân sách		100	
57	Bồi dưỡng, tập huấn chuyển đổi số		40	
58	Mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị		200	
59	Hệ thống truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin – Viễn thông		400	
60	Phần mềm diệt virus cho máy tính của CBCCVC		10	
61	Duy trì hoạt động Trang thông tin điện tử xã	UBND xã Cát Tiên 3	50	
62	Mua sắm máy tính hiển thị và thuê lưu trữ hệ thống camera giám sát tầm cao thôn Bù Sa		57	
63	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống camera an ninh trên địa bàn xã		45	
64	Tuyên truyền Ngày Chuyển đổi số 10/10 và tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng		12	
65	Nâng cấp, sửa chữa và duy trì hoạt động Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông xã		74	
66	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Cư Jút	200	
67	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Di Linh	200	
68	Kinh phí chi cho chuyển đổi số		210	

69	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã D'Ra	200	
70	Mua sắm Máy Scan (Hàng năm)	UBND xã Đạ Huoai	12	
71	Mua sắm Máy in (Hàng năm)		9	
72	Mua mới Hệ thống lấy số tự động tại Trung tâm phục vụ HCC xã		188	
73	Đường truyền Internet (FTTH) (Hàng năm)		155	
74	Bổ sung Hệ thống loa truyền thanh ứng dụng CNTT		185	
75	Sửa chữa hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT		40	
76	Tập huấn về chuyển đổi số		60	
77	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đạ Huoai 2	200	
78	Mua sắm Máy Scan	UBND xã Đạ Huoai 3	30	
79	Mua sắm Máy tính		165	
80	Mua sắm Máy in		30	
81	Mua sắm Máy in A3		20	
82	Mua mới Hệ thống lấy số tự động tại Trung tâm phục vụ HCC xã		125	
83	Sửa chữa Đường truyền Internet		50	
84	Sửa chữa, bổ sung Hệ thống loa truyền thanh ứng dụng CNTT		41	
85	Tập huấn về chuyển đổi số		27	
86	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đạ Tẻh	200	
87	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đạ Tẻh 2	200	

88	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Dạ Têh 3	200	
89	Tuyên truyền Chuyển đổi số, Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số		22	
90	Hoạt động Trang Thông tin điện tử xã		6	
91	Duy trì hệ thống wifi miễn phí cho hội trường thôn		8	
92	Đầu tư hệ thống mạng Lan tập trung cho trụ sở Ủy ban nhân dân xã		40	
93	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đam Rông 1	200	
94	Nâng cấp hệ thống mạng LAN của UBND xã	UBND xã Đam Rông 2	253	
95	Duy trì mạng internet nhà văn hoá các thôn		22	
96	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đam Rông 3	200	
97	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đam Rông 4	200	
98	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đắc Mil	200	
99	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đắc Sắk	200	
100	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đắc Song	200	
101	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đắc Wil	200	
102	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đinh Trang Thượng	200	
103	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đinh Văn – Lâm Hà	200	

104	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đông Giang	200	
105	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đồng Kho	200	
106	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đơn Dương	200	
107	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đức An	200	
108	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đức Lập	200	
109	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Đức Linh	200	
110	Nâng cấp mạng LAN tại trụ sở UBND xã theo hướng quản lý tập trung, đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin thuộc UBND xã	UBND xã Đức Trọng	294	
111	Nâng cấp giao diện trang Thông tin điện tử xã		30	
112	Duy trì hoạt động trang Thông tin điện tử xã		125	
113	Đầu tư thiết bị tường lửa (Hạ tầng máy chủ)		117	
114	Trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền cho CBCC		28	
115	Mua sắm và sửa chữa thiết bị máy móc		370	
116	Mua sắm và sửa chữa thiết bị máy móc (Phòng VH-XH, Kinh tế, Trung tâm PVHCC, UBMTTQVN xã)		185	
117	Trang bị các phần mềm	UBND xã Gia Hiệp	254	
118	Mua sắm trang thiết bị phục vụ tại Trung tâm hành chính công		250	
119	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp		696	
120	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hải Ninh	200	

121	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hàm Kiệm	200	
122	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hàm Liêm	200	
123	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hàm Tân	200	
124	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hàm Thạnh	200	
125	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hàm Thuận	200	
126	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hàm Thuận Bắc	200	
127	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hàm Thuận Nam	200	
128	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hiệp Thạnh	200	
129	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hòa Bắc	200	
130	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hòa Ninh	200	
131	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hòa Thắng	200	
132	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hoài Đức	200	
133	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hồng Sơn	200	
134	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Hồng Thái	200	

135	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Ka Đô	200	
136	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Kiến Đức	200	
137	Mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý hành chính (Hệ thống Camera, Kiosk bốc số tích hợp phần, Máy Scan, Máy in)	UBND xã Krông Nô	200	
138	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã La Dạ	200	
139	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Lạc Dương	200	
140	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Liên Hương	200	
141	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Lương Sơn	200	
142	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Nam Ban – Lâm Hà	200	
143	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Nam Dong	200	
144	Mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý hành chính (Hệ thống máy lấy số xếp hàng tự động; Màn hình hiển thị số; Thiết bị tra cứu thủ tục hành chính (Kiosk))	UBND xã Nam Đà	200	
145	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Nam Hà – Lâm Hà	200	
146	Chi cho các hoạt động mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ công tác hành chính; chi trả phí Internet, thuê dịch vụ chuyển đổi số	UBND xã Nam Thành	397	
147	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Nâm Nung	200	
148	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Ninh Gia	200	
149	Mua sắm máy móc phục vụ các thôn		96	

150	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Nghi Đức	200	
151	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Nhân Cơ	200	
152	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Phan Rí Cửa	200	
153	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Phan Sơn	200	
154	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Phú Sơn – Lâm Hà	200	
155	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Phúc Thọ – Lâm Hà	200	
156	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Hòa	200	
157	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Khê	200	
158	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Lập	200	
159	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Phú	200	
160	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Sơn	200	
161	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Tân	200	
162	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Tín	200	
163	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Quảng Trục	200	

164	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Sông Lũy	200	
165	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Sơn Điền	200	
166	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Sơn Mỹ	200	
167	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Suối Kiết	200	
168	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tà Đùng	200	
169	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tà Hine	200	
170	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tà Năng	200	
171	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tánh Linh	200	
172	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tân Hà – Lâm Hà	200	
173	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tân Hải	200	
174	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tân Hội	200	
175	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tân Lập	200	
176	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tân Minh	200	
177	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tân Thành	200	

178	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tuy Đức	200	
179	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tuy Phong	200	
180	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Tuyên Quang	200	
181	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Thuận An	200	
182	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Thuận Hạnh	200	
183	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Trà Tân	200	
184	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Trường Xuân	200	
185	Mua sắm, máy móc, trang thiết bị, CNTT phục vụ vận hành chính quyền địa phương 02 cấp	UBND xã Vĩnh Hảo	200	
TỔNG CỘNG			422.996	

**Phụ lục II****DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026***(Kèm theo Kế hoạch số 1008/H/KH-UBND ngày 31 / 12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Ghi chú
I	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
1	Dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng” (giai đoạn 2025 - 2027)	
2	Thuê nền tảng chia sẻ, kết nối dữ liệu tỉnh Lâm Đồng (LGSP)	
3	Thuê hệ thống quản lý văn bản điều hành tỉnh	
4	Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin	
5	Tổ chức Hội thảo, hội nghị, tuyên truyền phổ biến về hoạt động chuyển đổi số	
6	Xây dựng Khung kiến trúc số tỉnh Lâm Đồng	
7	Xây dựng trang thông tin điện tử "Bình dân học vụ số tỉnh Lâm Đồng"	
8	Xây dựng sổ tay nghiệp vụ ngành KH&CN	
9	Triển khai các nhiệm vụ sự nghiệp công nghệ thông tin và chuyển đổi số (bao gồm Đề án 06)	
10	Thuê đường truyền tại 03 khu vực	
11	Chi phí dịch vụ bảo trì, bảo hành hệ thống thiết bị lưu trữ tập trung	
12	Duy trì bản quyền phần mềm Spam cho hệ thống thư điện tử tỉnh	
13	Duy trì mạng Campus Trung tâm hành chính (kể cả thiết bị dự phòng)	
14	Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy lạnh chính xác cho phòng máy chủ và máy lạnh tại các tủ Rack thông tầng TTHC tỉnh	
15	Chứng thư số SSL cho hệ thống cổng thông tin và email công vụ, cổng dịch vụ công, hệ thống quản lý văn bản, trực liên thông khu vực 1	
16	Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống quản lý họp trực tuyến tập trung	
17	Kinh phí duy trì hoạt động trụ sở cũ (điện, máy nồm, thang máy)	
18	Trực vận hành hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh ngoài giờ hành chính, ngày nghỉ, ngày lễ, tết, xử lý sự cố và tăng cường trực xử lý khi có thiên tai lũ lụt	
19	Kinh phí mua sắm thiết bị dự phòng khi có sự cố xảy ra tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	
20	Kiểm tra, định kỳ, báo cháy, hệ thống máy lạnh, nguồn điện, thang máy; máy phát điện; bảo trì đo kiểm hệ thống ắc quy; mua bảo hiểm cháy và rủi ro đặc biệt bao gồm cháy nổ bắt buộc cho các máy móc, thiết bị Trung tâm tích hợp dữ liệu tại 03 khu vực	

21	Kinh phí thuê dịch vụ mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại tỉnh đến cấp xã phục vụ Hội nghị truyền hình trực tuyến và vận hành Hệ thống truyền hình trực tuyến	
22	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành KH&CN tỉnh Lâm Đồng	
23	Nâng cấp hệ thống Campus Trung tâm hành chính tỉnh	
24	Phí duy trì trên miền binhthuan.gov.vn và binhthuan.vn và duy trì IPV6	
25	Đường truyền Internet kết nối 16 camera an ninh (tại Gia Nghĩa, Đắc Nông cũ) về Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	
II	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH	
1	Phối hợp rà soát, cập nhật thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh để cập nhật trên Hệ thống bản đồ số đầu tư http://vsmartinvest.gov.vn .	
2	Đa dạng hóa các kênh tiếp nhận khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp thông qua các ứng dụng zalo, viber,... Phối hợp tổ chức và tham gia các sự kiện kết nối theo hình thức trực tuyến và trực tiếp.	
3	Tiếp tục tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, quảng bá thông tin về môi trường đầu tư kinh doanh, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các ứng dụng như zalo, email, đường dây nóng...	
4	Phối hợp với các đơn vị liên quan để đăng tải các bản đồ quy hoạch ngành, lĩnh vực... được phê duyệt và số hóa trên Website của Trung tâm.	
5	Tổ chức tham gia và mời gọi doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại điện tử (hội nghị, hội thảo trực tuyến và hỗ trợ doanh nghiệp chi phí tham gia) và kết nối giao thương trực tuyến.	
6	Duy trì và vận hành thực hiện trang fanpage, “Đà Lạt - Thiên đường du lịch”	
7	Duy trì và vận hành thực hiện kênh Tik Tok “Đà Lạt - Thiên đường du lịch”.	
8	Xây dựng video clip về các khu điểm, sản phẩm du lịch, các sản phẩm thương mại đạt tiêu chuẩn OCOP, các hợp tác xã	
9	Kinh phí marketing, quảng bá kênh Fanpage, Tik Tok nhằm tăng lượt tiếp cận người xem với các sản phẩm của tỉnh Lâm Đồng	
10	Duy trì website https://dalat-info.gov.vn	
11	Nâng cấp và Duy trì website http://dalatkettinhkydieutudatlanh.vn	
12	Duy trì website http://doanhnghiep.dalat-info.gov.vn	
13	Nâng cấp và duy trì bản đồ du lịch điện tử https://bandodulichlamdong.com	
III	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	
1	Phát triển hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ và đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số	
2	Duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử Sở	
3	Mở rộng, nâng cấp hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh (Giai đoạn 2026 - 2028)	

4	Thuê Nền tảng trợ lý ảo du lịch đa ngôn ngữ	
5	Thuê Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Lâm Đồng/ Thuê dịch vụ CNTT- Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh	
6	Số hóa thực tế ảo VR360 các điểm du lịch tỉnh Lâm Đồng	
7	Dự án “Số hóa tài liệu tập trung” tại Thư viện tỉnh Lâm Đồng thuộc “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	
8	Dự án “Phát triển dữ liệu số và số hóa tài nguyên di sản văn hóa tỉnh Lâm Đồng” thuộc “Chương trình số hóa di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”	
IV	SỞ CÔNG THƯƠNG	
1	Tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt, tuyên truyền về chuyển đổi số đến toàn thể công chức, viên chức ngành	
2	Đăng tải các tin, bài về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên Trang Thông tin điện tử cơ quan, đơn vị, Bản tin Công Thương	
3	Trang bị kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số trong lĩnh vực kinh tế số	
4	Phối hợp các đơn vị chủ trì tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách,...trên lĩnh vực ngành về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06	
5	Thực hiện rà soát và xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định trên lĩnh vực phụ trách về khai thác, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số, CSDL dùng chung, chuyên ngành	
6	Đầu tư mua sắm hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ, thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số	
7	Triển khai đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh	
8	Tiếp tục triển khai Dự án “Xây dựng Hệ thống nghiệp vụ ngành Công Thương” (Giai đoạn 2026-2028) / Xây dựng hệ thống thông tin nghiệp vụ ngành Công thương tỉnh Lâm Đồng	
9	Triển khai, sử dụng có hiệu quả các nền tảng số: Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; hộp thư công vụ tỉnh; 01 cửa thủ tục hành chính; Trang thông tin điện tử Sở; IOC Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng...	
10	Tham gia phối hợp triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	
11	Đăng ký, tổ chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đề án 06, trí tuệ nhân tạo (AI). Bình dân học vụ số,... cho công chức, viên chức ngành công thương.	

12	Phối hợp Công an tỉnh cử công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn kỹ năng về an ninh an toàn thông tin mạng; tham gia Tổ ứng phó sự cố an toàn an ninh mạng.	
13	Tham gia các chương trình hợp tác, trao đổi học tập kinh nghiệm với Sở Công Thương các tỉnh bạn	
14	Tham gia các diễn đàn, hội nghị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao	
15	Rà soát tham mưu ban hành các quy định về an toàn thông tin mạng theo quy định mới nhất	
16	Mua sắm phần mềm an toàn thông tin cho máy tính công chức thuộc Sở - 80 người dùng	
17	Mua sắm trang bị thiết bị sao lưu dữ liệu dự phòng dùng chung	
18	Phối hợp Công an tỉnh triển khai giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu	
19	Rà soát, điều chỉnh, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính ngành công thương; tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính	
20	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới doanh nghiệp; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa	
21	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến	
22	Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân	
23	Hợp nhất Sàn thương mại điện tử của 3 Sở Công Thương thành Sàn thương mại điện tử Lâm Đồng / Dự án nâng cấp “Sàn thương mại điện tử tỉnh Bình Thuận” thành “Sàn thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng”	
24	Hướng dẫn, hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia sàn thương mại điện tử Bình Thuận và Sanviet.vn	
25	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Giải pháp truy xuất nguồn gốc điện tử cho các sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu và đặc trưng thế mạnh tỉnh” / Dự án nâng cấp “Phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm xuất xứ tỉnh Bình Thuận” thành “Phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm xuất xứ tỉnh Lâm Đồng” kết hợp "Chỉ dẫn địa lý"	
26	Khảo sát, đánh giá tình hình sử dụng công nghệ số, nền tảng số tại các doanh nghiệp trên lĩnh vực ngành	
27	Tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử và kinh tế số	
28	Nâng cấp, duy trì phần mềm IOC - Dữ liệu hỗ trợ chỉ đạo điều hành Sở Công Thương	
V	CÔNG AN TỈNH	
1	Dự án “Đầu tư lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, xử lý vi phạm giao thông trên QL 20”	

2	Dự án “Nâng cấp Trung tâm thông tin chỉ huy và hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”	
3	Mua sắm, trang bị mới đối với các giải pháp, phần mềm phục vụ đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và thuê dịch vụ công nghệ thông tin thường xuyên	
4	Tường lửa (đầu tư cho cấp xã)	
5	Nâng cấp trang thiết bị, mạng LAN cấp xã	
6	Đầu tư mua sắm trang thiết bị CNTT cho UBND cấp xã	
7	Mua sắm trang thiết bị, phần mềm phục vụ công tác của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh	
8	Triển khai Đề án 06 trong lực lượng Công an tỉnh Lâm Đồng năm 2026	
VI	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm, hội thi tìm hiểu về chuyển đổi số; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công	
2	Phát triển hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ của Sở và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo an toàn thông tin mạng; thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số	
3	Xây dựng hệ thống thông tin Nông nghiệp và môi trường tỉnh Lâm Đồng thông qua dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng” / Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường	
4	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	
5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người dân khai thác sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số phổ biến	
6	Xây dựng và triển khai phương án sao lưu dữ liệu của Sở và các phòng, đơn vị thuộc Sở	
7	Thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	
8	Lựa chọn sử dụng thống nhất một phần mềm quản lý hệ thống thông tin đất đai trên cơ sở hợp nhất dữ liệu dùng chung toàn tỉnh	
9	Chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống thông tin đất đai cũ sang hệ thống thông tin đất đai mới; cấp tài khoản, tập huấn sử dụng phần mềm	
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cho các xã chưa triển khai. Đảm bảo đến 2027 phải hoàn thành cơ bản cơ sở dữ liệu trên toàn tỉnh Lâm Đồng	
11	Nâng cấp hệ thống WebGIS thuộc dự án “Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát khai thác tài nguyên khoáng sản...”	
12	Triển khai, tập huấn, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực chuyên môn sử dụng hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu khoáng sản	

13	Rà soát, chuẩn hóa, tích hợp CSDL về lâm nghiệp và nâng cấp, mở rộng phạm vi hoạt động của hệ thống quản lý, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn toàn tỉnh	
14	Xây dựng trợ lý ảo AI Chatbot Lâm nghiệp để hỗ trợ cung cấp nhanh số liệu, báo cáo tổng hợp theo yêu cầu, tra cứu nhanh văn bản, quy định pháp luật liên quan lĩnh vực lâm nghiệp	
15	Tập huấn sử dụng hệ thống quản lý, giám sát tài nguyên rừng sau nâng cấp, mở rộng	
16	Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước để quản lý hệ thống bản đồ số; quản lý cấp phép; kết nối với hệ thống dữ liệu dùng chung của tỉnh	
17	Xây dựng phần mềm quản lý, thu thập dữ liệu, cảnh báo sớm thiên tai (trên cơ sở hợp nhất dữ liệu 3 tỉnh cũ; cảnh báo lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất...) / Phần mềm quản lý, thu thập dữ liệu, cảnh báo thiên tai trên nền tảng Zalo Mini App	
18	Nâng cấp và duy trì trang thông tin tuyên truyền chuyên dùng của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đắk Nông cũ: http://pcttdaknong.vn	
19	Lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm phòng, chống thiên tai trên sông Cam Ly, sông Đa Nhim và suối Đại Lào	
20	Xây dựng cung cấp bản tin dự báo mưa 24 giờ trực tuyến tới phạm vi cấp xã, phục vụ cảnh báo thiên tai tại cộng đồng	
21	Lắp đặt hệ thống cảnh báo lũ tự động tại các vị trí đường giao thông bị ngập, các vị trí ngầm, tràn	
22	Lắp đặt hệ thống quan trắc mức nước, lượng mưa, lưu lượng và giám sát vận hành các hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn tỉnh	
23	Phần mềm Quản lý chung trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật	
24	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống quản lý đất đai đa mục tiêu (Phần mềm + Hạ Tầng cho VPĐK đất đai tỉnh, các Chi nhánh và 124 xã phường, đặc khu phục vụ người dân và doanh nghiệp)	
25	Nâng cấp trang thông tin thương mại điện tử www.nongsandalatlamdong.vn	
26	Đầu tư các trạm cảm biến thông minh dùng chung phục vụ dự báo thời tiết, giám sát sâu bệnh hại tại các vùng sản xuất trọng điểm	
27	Đầu tư công nghệ IoT trong theo dõi, giám sát, tự động hóa vận hành hệ thống thủy lợi hồ Ka La	
28	Kinh phí duy trì Phần mềm thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt (hệ thống báo cáo)	
29	Nâng cấp, mở rộng phần mềm Hệ thống thông tin quản lý lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản của tỉnh Lâm Đồng cũ phục vụ cho tỉnh Lâm Đồng mới	
30	Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử nông sản	
31	Hệ thống quản lý, giám sát, thu thập dữ liệu, hỗ trợ vận hành công trình thủy lợi theo thời gian thực	
VII	SỞ TÀI CHÍNH	
1	Xây dựng CSDL lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã; dự án đầu tư)	

2	Rà soát, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng, hệ thống máy chủ. Rà soát, nâng cấp, sửa chữa hoặc thay mới các trang thiết bị CNTT. Tăng cường an toàn, an ninh mạng. Tham mưu trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền...	
3	Phối hợp, tổ chức triển khai đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống CNTT của cơ quan	
4	Xây dựng phần mềm, ứng dụng chuyên ngành của Sở Tài chính	
5	Triển khai các lớp đào tạo về trí tuệ nhân tạo (AI) cho công chức, viên chức tại Sở	
6	Phối hợp với các đơn vị xã, phường, đặc khu về phương án kết nối vào hệ thống Hạ tầng truyền thông ngành Tài chính	
7	Xây dựng CSDL lĩnh vực tài chính (dữ liệu về giá)	
VIII	SỞ NỘI VỤ	
1	Triển khai các biện pháp phòng, chống mã độc... sao lưu dữ liệu dự phòng	
2	Bảo trì, cấu hình mạng LAN, WIFI	
3	Kiểm tra đánh giá ATTT và quản lý rủi ro ATTT cho hệ thống	
4	Tập huấn nghiệp vụ giám sát an toàn thông tin, an ninh mạng	
5	Hướng dẫn các quy định về công tác VTLT điện tử	
6	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin quản lý CBCCVC tỉnh	
7	Số hóa tài liệu các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố (sau kết thúc hoạt động)	
8	Mua bản quyền phần mềm Windows, Microsoft Office, phần mềm diệt virus và các phần mềm khác	
9	Hệ thống thông tin quản lý về an sinh xã hội	
10	Hệ thống thông tin Quản lý người có công	
11	Xây dựng CSDL lĩnh vực nội vụ (tài liệu lưu trữ lịch sử; hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp)	
12	Xây dựng CSDL lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội (người có công, lao động, việc làm)	
IX	SỞ TƯ PHÁP	
1	Rà soát, nâng cấp hoặc đề xuất thay mới các trang thiết bị công nghệ thông tin. Tăng cường an toàn, an ninh mạng	
2	Phối hợp, tổ chức triển khai đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan	
3	Xây dựng CSDL lĩnh vực tư pháp (xử lý vi phạm hành chính)	
X	SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	
1	Kiến toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 của Sở	
2	Rà soát, chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình nội bộ, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở trên môi trường điện tử	
3	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa theo quy định	

4	Đề xuất xây dựng Hệ thống thông tin công tác dân tộc và tôn giáo/Hệ thống thông tin chuyên ngành công tác dân tộc và tôn giáo tỉnh Lâm Đồng	
5	Rà soát nhu cầu và đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT, thiết bị số phục vụ hoạt động quản lý và chuyên môn	
6	Đầu tư hệ thống Phòng họp trực tuyến tại Sở	
7	Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của Sở theo quy định	
XI	THANH TRA TỈNH	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng mạng nội bộ cơ quan	
2	Triển khai phòng họp trực tuyến tại cơ quan	
3	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	
4	Nâng cấp các phần mềm chuyên ngành đang sử dụng	
5	Triển khai Hệ thống CSDL ngành theo hướng dẫn của TTCP	
6	Chỉnh lý, số hóa tài liệu và thuê hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ số hóa	
XII	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	
1	Triển khai Trung tâm Giám sát điều hành thông minh (IOC) tỉnh. (Hệ thống mới nâng cấp sau khi thực hiện Chính quyền địa phương 02 cấp) / Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh	
2	Triển khai Hệ thống hợp không giấy/Phòng họp không giấy tờ	
3	Triển khai hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. (Hệ thống mới nâng cấp sau khi thực hiện Chính quyền địa phương 02 cấp) / Hệ thống báo cáo tỉnh	
4	Triển khai Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh mới	
5	Duy trì hoạt động Công báo điện tử tỉnh	
6	Tiếp tục hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ người dân, doanh nghiệp (thí điểm công nghệ trí tuệ nhân tạo để xây dựng, triển khai ứng dụng Trợ lý ảo...)	
7	Duy trì Cổng dịch vụ công, bảo đảm duy trì Một cửa điện tử với các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	
8	Xây dựng và đề xuất hồ sơ cấp độ và các phương án đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh	
9	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các dãy nhà làm việc và phòng máy chủ	
10	Gia hạn licence thiết bị tường lửa, phần mềm diệt virus có bản quyền; phần mềm kế toán MISA	
11	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	
12	Thuê Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính của tỉnh gắn với sử dụng Tổng đài 1022	

XIII	SỞ Y TẾ	
1	Dự án xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	
2	Nâng cấp hạ tầng CNTT Bệnh viện II Lâm Đồng	
3	Triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh	
4	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) ngành y tế	
5	Triển khai hoạt động khám chữa bệnh từ xa tại các cơ sở xa trung tâm, chuyển giao các DVKT từ tuyến trên	
6	Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử	
7	Xây dựng CSDL lĩnh vực y tế (khám chữa bệnh, hồ sơ sức khỏe)	
XIV	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Thuê dịch vụ CNTT- Trung tâm Điều hành thông minh vnEdu	
2	Nền tảng kỹ năng số cho người dân	
3	Hệ thống PM thi tuyển sinh lớp 10	
4	Đánh giá chỉ số DTI	
5	Hệ thống đào tạo trực tuyến toàn tỉnh	
XV	SỞ XÂY DỰNG	
1	Hệ thống quản lý, khai thác, phân tích CSDL quy hoạch đô thị và nông thôn	
2	Hệ thống quản lý Cấp phép, thẩm định dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng tập trung và toàn trình	
3	Hệ thống quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị (Giao thông, cấp nước, thoát nước, cây xanh, chiếu sáng, sự cố, camera...)	
4	Trung tâm điều hành giao thông thông minh (Giải pháp bãi đỗ xe thông minh; ứng dụng cung cấp thông tin cho người dân, du khách; Giải pháp vé điện tử thông minh)	
5	Hệ thống quản lý, phân tích, chỉ đạo, điều hành và ra quyết định trên nền tảng bản đồ ngành xây dựng tỉnh.	
XVI	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu khu công nghiệp	
2	Đánh giá mức độ an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin	
3	Nâng cấp, duy trì Trang TTĐT theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022	
XVII	UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU	
1	Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ Chuyển đổi số theo Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 của địa phương đã ban hành	